

Ngày	10,500 VNĐ		
31/03/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-1.4%	6.0%	2.1%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	7,840 - 12,113
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	694
Số lượng CPLH (CP)	66,054,343
KLGD BQ 20 phiên (CP)	338,865
Sở hữu nước ngoài	6.9%
Beta	1.05
EPS	247
P/E	42.6

DT thuần

Q1/24

412

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 55.0| 15.3%

YoY: ▲ 174| 73.0%

LN trước thuế

Q1/24

7.34

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 6.16| 522%

YoY: ▼5.16| -41.2%

LN sau thuế

Q1/24

5.86

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 5.67| 2986%

YoY: ▼3.80| -39.3%

ROA

2023

1.4%

+/- YoY: ▼ 3.0%

DT thuần

2023

1,109

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 164| 17.3%

LN trước thuế

2023

31.1

tỷ VNĐ

YoY: ▼19.3| -38.2%

LN sau thuế

2023

24.5

tỷ VNĐ

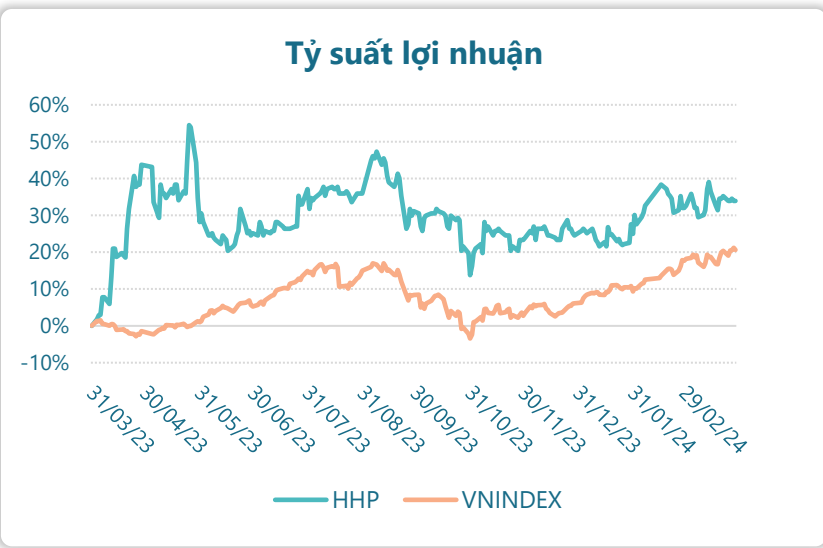
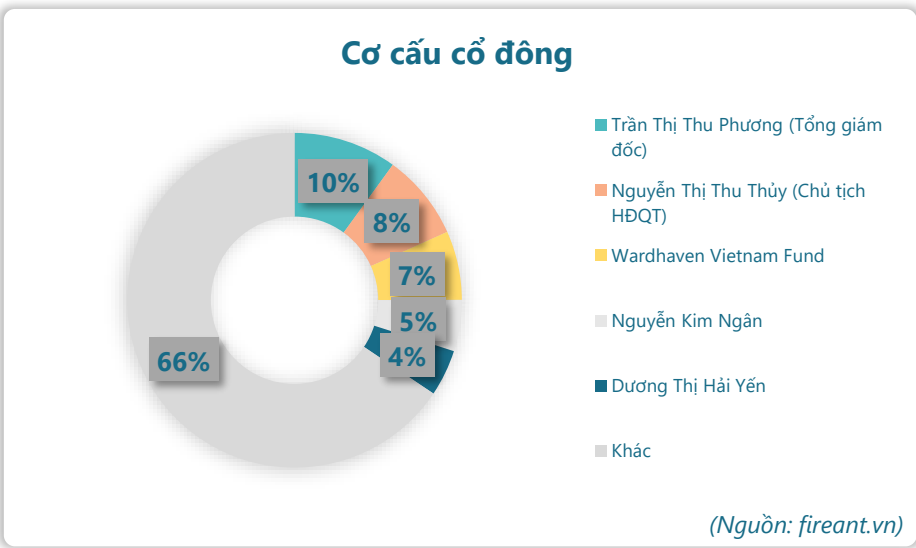
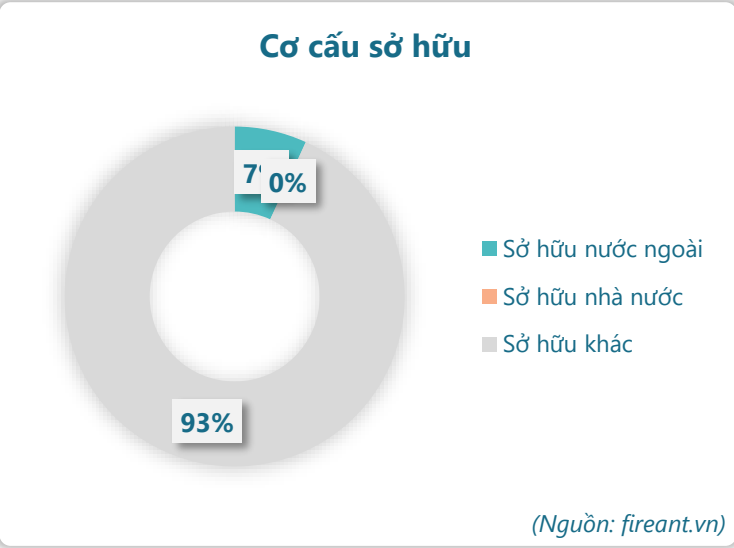
YoY: ▼16.1| -39.6%

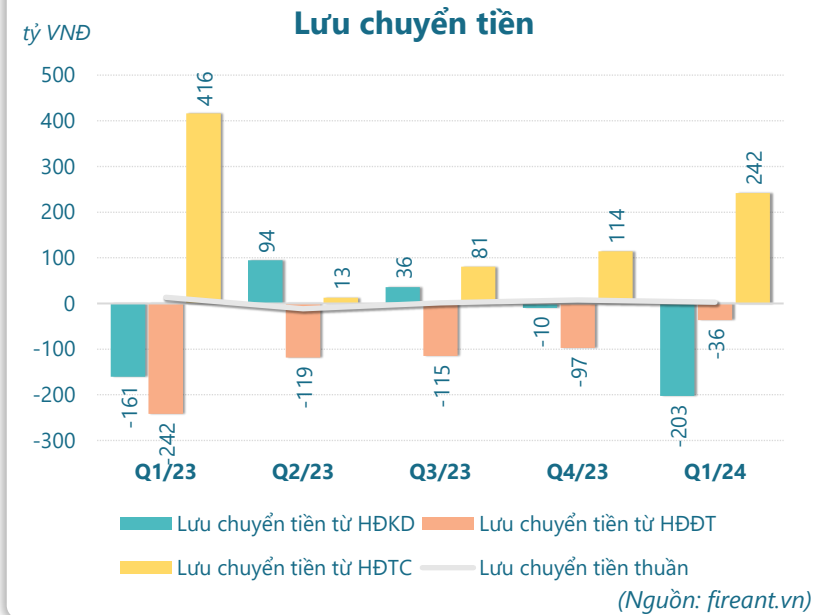
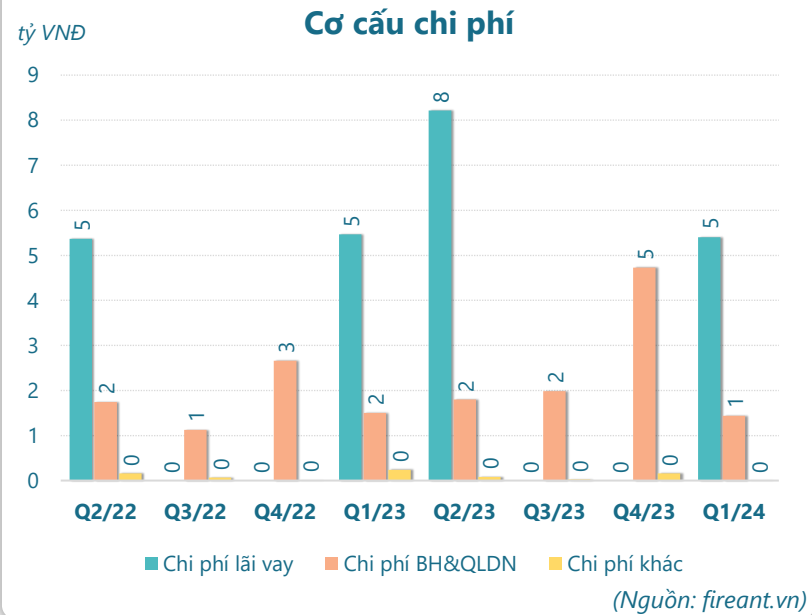
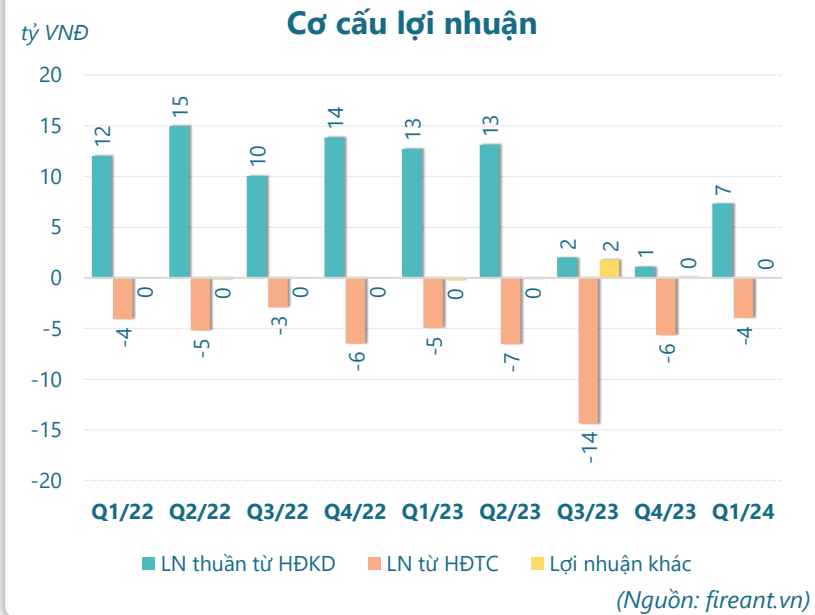
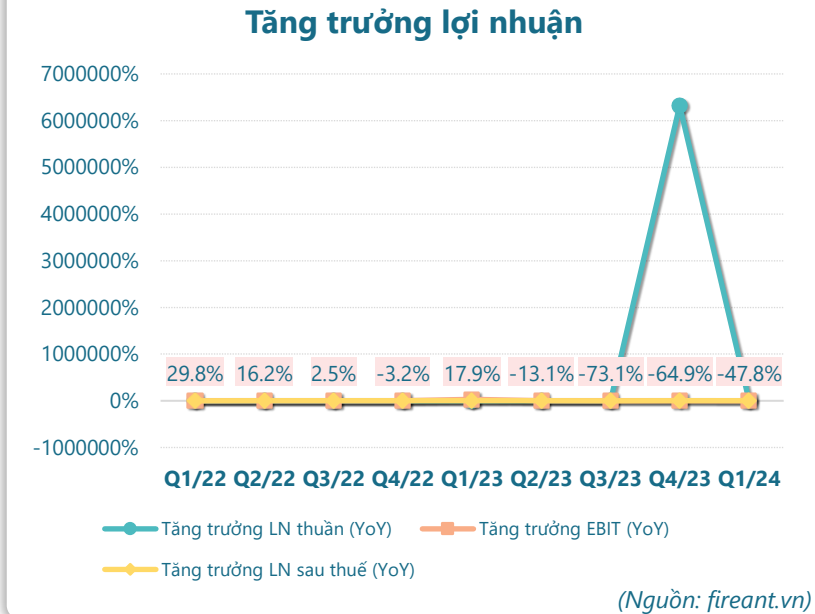
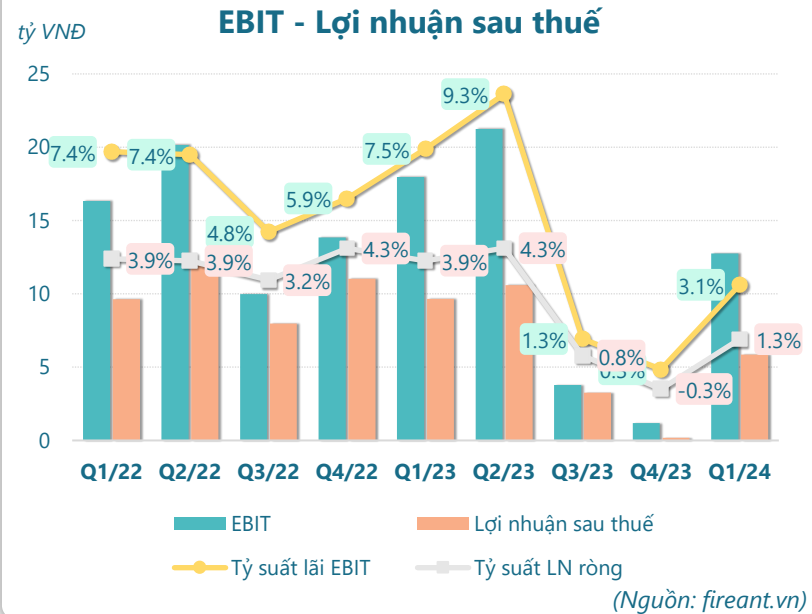
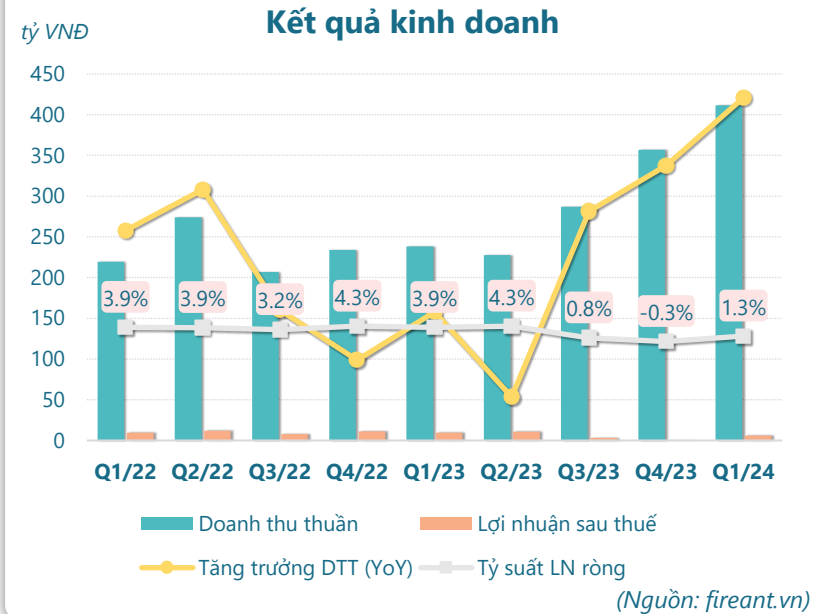
ROE

2023

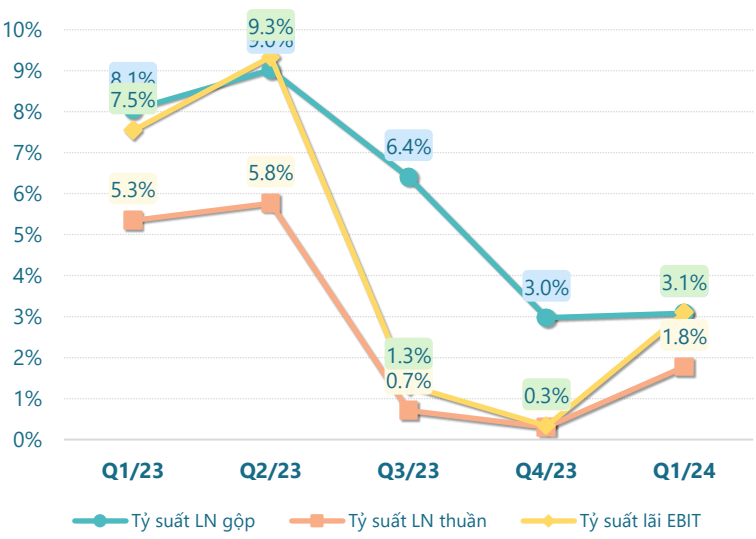
3.5%

+/- YoY: ▼ 5.4%



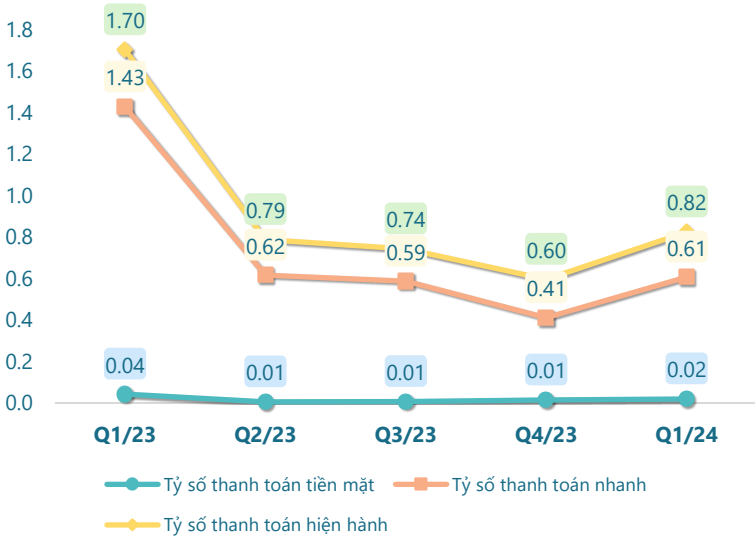


Tỷ suất lợi nhuận



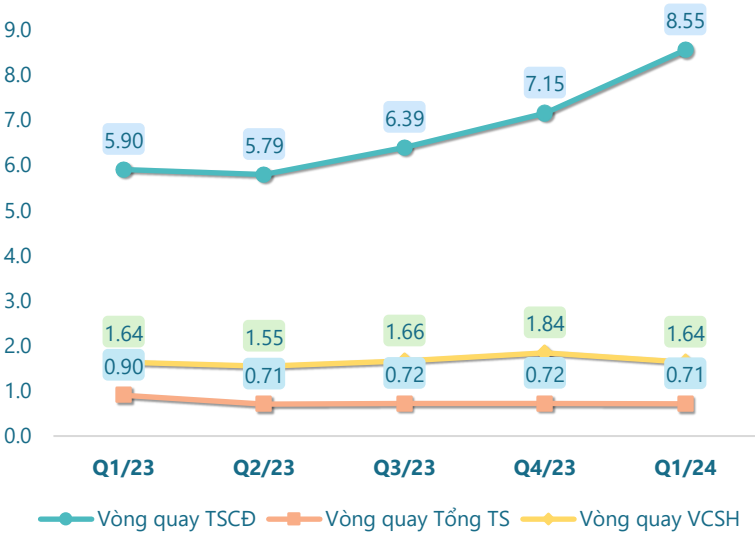
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



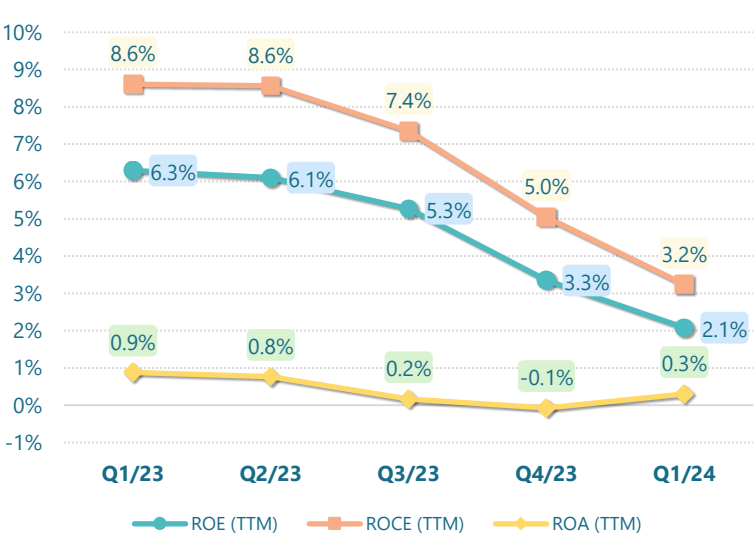
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



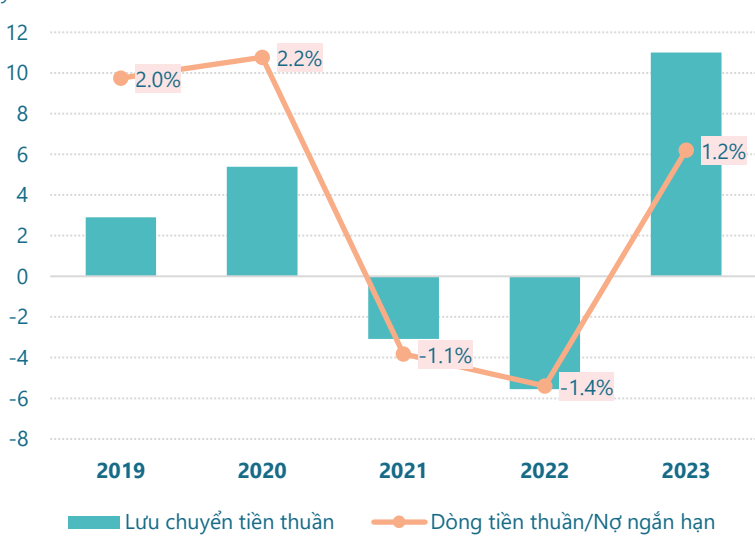
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



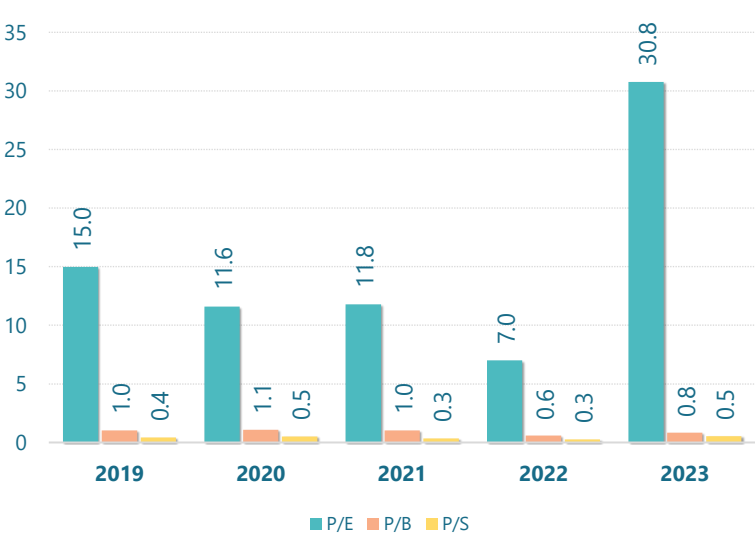
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)